

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HOÀI NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/DS-ST  
Ngày 12-4-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Hồng Hoàng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phan Á

2. Ông Nguyễn Hữu Tố

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962, địa chỉ: Xóm B, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

2. **Bị đơn:**

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1974, địa chỉ: Xóm C, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm C, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà D trình bày: Ngày 04/6/2013, vợ chồng ông C bà T mượn của bà 1 chỉ vàng 24K. Vợ chồng ông C bà T có viết giấy mượn và ký tên, hẹn 01 năm trả. Từ năm 2014 đến 2016, bà D đã nhiều lần đòi thì ông C bà T trả được 02 chỉ vàng. Từ đó đến nay, ông C bà T không trả thêm. Nay bà D yêu cầu ông C bà T trả cho bà 11 chỉ vàng 24K và trả lãi theo lãi suất

đã thỏa thuận là 30.000 đồng/chỉ/tháng từ ngày vay đến nay. Ông C bà T có trả lãi cho bà nhưng đã lâu nên bà không nhớ trả bao nhiêu, khi trả cũng không có giấy tờ gì.

- *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn bà T trình bày:* Bà và ông C đã ly hôn vào năm 2022, khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung. Ngày 04/6/2013, bà và ông C có mượn của bà D 19 chỉ vàng 24K, có viết giấy mượn vàng, vợ chồng bà ký tên. Hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 30.000 đồng/chỉ/tháng. Vợ chồng bà đã trả lãi được 7-8 năm sau đó do khó khăn nên không trả nữa, khi trả lãi ko có giấy tờ gì. Vợ chồng bà mượn vàng để nuôi ong nhưng do thua lỗ nên không có điều kiện trả cho bà D. Đã trả được cho bà D 02 chỉ vàng hiện còn nợ 17 chỉ vàng 24K. Nay bà D đòi thì bà thống nhất số nợ 17 chỉ vàng 24K nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng đã ly hôn, đang nuôi con nhỏ, tài sản không còn gì nên xin được trả dần khi nào có tiền sẽ trả cho bà D và xin không phải trả lãi.

- Bị đơn ông C không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà D, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện được thực hiện đúng qui định tại Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông C bà T liên đới trả cho bà D 17 chỉ vàng 24K, không chấp nhận yêu cầu của bà D buộc ông C, bà T phải trả 46.200.000 đồng tiền lãi. Về án phí, ông C bà T phải chịu theo qui định, bà D được miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vàng đã cho vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà T đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bị đơn ông C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng

không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông **C** liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà **D** được. Ông **C** không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ theo Giấy mượn vàng đề ngày 04/6/2013 do bà **D** cung cấp, lời trình bày của bà **D** và sự thừa nhận của bà **T**, xác định ông **C** bà **T** đã vay của bà **D** 19 chỉ vàng 24K, hiện còn nợ bà **D** 17 chỉ vàng 24K. Việc vay vàng giữa hai bên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Đã quá hạn trả nợ theo thỏa thuận và bà **D** đòi nhưng ông **C** bà **T** không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bà **T** xin trả dần nhưng không được bà **D** chấp nhận, không phù hợp với qui định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Ông **C** bà **T** vay vàng trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay là để đầu tư nuôi ong nhằm để tạo thu nhập, phát triển kinh tế gia đình. Theo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 480/2022/HNGĐ-ST ngày 22/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định thì ông **C** bà **T** chưa chia tài sản khi ly hôn, chưa giải quyết về nợ chung. Vì vậy, ông **C** bà **T** có nghĩa vụ chung đối với số vàng nợ bà **D** và phải liên đới trả cho bà **D** 17 chỉ vàng 24K.

[6] Về tiền lãi: Tại thời điểm các bên giao dịch vay vàng đến nay, không có quy định của **Ngân hàng N** về việc cho vay vàng có lãi suất nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu trả lãi vàng của bà **D**. Không ai có tranh chấp về lãi suất đã thỏa thuận và tiền lãi đã trả nên không xem xét.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được chấp nhận là 17 chỉ vàng 24K x 7.320.000 đồng/chỉ (giá vàng 24K tại thời điểm xét xử) x 5% = 5.124.000 đồng. Bà **D** phải chịu án phí đối với yêu cầu trả tiền lãi không được chấp nhận nhưng bà là người cao tuổi nên được miễn.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 288, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Dư. Buộc ông Nguyễn C và bà Đỗ Thị T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D 17 (Mười bảy) chỉ vàng 24K.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ông Nguyễn C và bà Đỗ Thị T phải trả tiền lãi.

3. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Ông Nguyễn C và bà Đỗ Thị T phải cùng chịu 5.124.000 đồng (Năm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị D được miễn nộp án phí.

- Khi thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét việc trả lại.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hồng Hoàng**